

**MỘT SỐ THAY ĐỔI VỀ THỜ CÚNG Ở ĐÌNH LÀNG
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY
(Nghiên cứu trường hợp đình Nam Chơn, quận 1)**

Tóm tắt: Trong thiết chế văn hóa xã hội truyền thống Việt Nam, đình là một trong những cơ sở tín ngưỡng đóng vai trò hàng đầu. Đình làng được xem như linh hồn của làng quê Việt Nam. Tùy theo tính chất mùa vụ mà các hoạt động tín ngưỡng tại đình cũng như các lễ hội được tổ chức với quy mô lớn nhỏ khác nhau nhưng gần như diễn ra quanh năm. Những nghi lễ trong lễ hội diễn ra ở đình có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân trong vùng. Với lịch sử hơn 300 năm hình thành và phát triển, những lưu dân Việt đến Thành phố Hồ Chí Minh (Tp. HCM) đã từng bước khai hoang, lập làng và mang theo những phong tục tập quán từ nơi quê cha đất tổ đến vùng đất mới. Trải qua năm tháng, các ngôi đình tại Tp. HCM đã có nhiều thay đổi, ngay cả chức năng và đối tượng thờ tự cũng có nhiều khác biệt so với đình làng Bắc Bộ và Trung Bộ. Những nét biến đổi này đã tạo cho hội đình ở Tp. HCM vừa có nét đặc biệt, vừa có điểm dung hợp tiêu biểu cho tính cách của người dân Nam Bộ, thể hiện xu hướng hiện đại hóa trong lễ hội cổ truyền của dân tộc. Trong bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu những thay đổi trong tín ngưỡng đình làng ở Thành phố Hồ Chí Minh nói chung, nghiên cứu trường hợp tại đình Nam Chơn nói riêng để thấy được những hoạt động tín ngưỡng thờ Thành hoàng trong một ngôi đình đô thị đương đại. Trục so sánh được chia thành hai giai đoạn: đình cổ truyền ở Sài Gòn - Gia Định (từ khi thành lập đến năm 1975) và đình đô thị đương đại (từ sau năm 1975 đến nay).

Từ khóa: Biến đổi, đình làng, đình Nam Chơn, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Ngày nhận bài: 9/4/2018; Ngày biên tập: 16/4/2018; Ngày duyệt đăng: 23/4/2018.

Dẫn nhập

Đình cổ truyền là một thiết chế văn hóa - tín ngưỡng tổng hợp, có ba chức năng cơ bản: tín ngưỡng, hành chính và văn hóa. Rất khó để xác định chức năng nào có trước, chức năng nào được bổ sung. Hơn nữa, ba chức năng đan xen, hòa quyện nhau đến mức khó phân biệt được. Các nghiên cứu về đình làng nói chung: Paul Giran (1912), trong *Magie et religion annamites* (tạm dịch: *Ma thuật và tín ngưỡng của người An Nam*) cho rằng “Đình là nơi ngự trị của vị Thành hoàng của mỗi làng xã, là trung tâm đời sống tập thể của cộng đồng, là nơi mà kỳ mục dùng làm nơi nhóm họp, hoạch định các vấn đề hành chính tổ tụng nội bộ, nơi cử hành các nghi lễ tín ngưỡng”¹. Cụ thể hơn, phân tích về vị trí và chức năng của đình ở vùng Đồng bằng Sông Hồng, Đỗ Văn Rỡ (1997) trong *Cội nguồn và truyền thống dân tộc Việt Nam* đã viết “Triều đình là đình, là đỉnh chót vót của Nước (Quốc gia), còn đình thần là đỉnh cao nhất của xã, của nền văn minh nông nghiệp, của Viêm Việt (Viêm Việt là dân tộc Việt Nam lúc khởi thủy). Nền văn minh này đặt trên nền tảng gia đình, nhiều gia đình hợp thành khu, xóm, ấp và đặt cuối cùng là xã, là làng. Bởi vậy có thể nói rằng cái nhà của làng là đình. Đình là tiểu triều đình, là triều đình tại xã, là cấp làng để đối với triều đình ở cấp nước...”². Trong công trình *Góp phần nghiên cứu về một vị Thành hoàng ở An Nam - Lý Phục Man* (1938), với tư cách nghiên cứu viên của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp, tác giả Nguyễn Văn Huyền không chỉ giới thiệu về tục thờ Lý Phục Man mà còn mô tả rất chi tiết về ngôi đình làng Việt. Hoặc khái quát hơn nữa, tác giả Kim Định (1971) với *Triết lý cái đình* đã cho rằng ngôi đình làng của người Việt chính là biểu tượng của nền văn minh, văn hóa dân tộc. “Nếu văn minh Ai Cập được biểu hiện bằng Kim Tự Tháp, văn minh Hy Lạp bằng đền thờ Parthéon, thì văn minh Việt Nho được biểu hiện bằng cái đình”³.

Đối với các học giả Phương Tây, có nhiều nhà nghiên cứu tham gia nghiên cứu đình làng dưới góc độ kiến trúc tôn giáo, như: P. Gourou, L. Bezacier,... Chẳng hạn, P. Gourou nghiên cứu ngôi đình trong tổng thể chung của làng xã vùng châu thổ Bắc Kỳ và đưa ra nhận xét: đình làng có sự thống nhất giữa kiến trúc tôn giáo và kiến trúc riêng tư,

không có nguyên tắc khác nhau giữa các ngôi nhà Việt Nam. Còn L. Bezaciez, nhà nghiên cứu nghệ thuật Việt Nam lâu năm thì lại cho rằng, ngôi đình làng đã trở thành một trong những công trình uy nghiêm nhất trong phong cảnh Việt Nam.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, các công trình nghiên cứu về ngôi đình làng nhiều hơn. Điển hình là công trình *Mở đầu cho việc nghiên cứu ngôi đình về phương diện Dân tộc học* của Lê Văn Hảo. Trong công trình nghiên cứu này, chủ đích của tác giả là miêu tả các hoạt động tinh thần ở đình làng và từ đây đưa ra đề cương cho việc nghiên cứu ngôi đình. Trong bài viết “Quanh ngôi đình làng - lịch sử” của Trần Lâm Biền đăng trên tạp chí *Nghiên cứu Nghệ thuật* số 4 năm 1983, cho rằng: đình làng có khởi nguyên là một nhà công cộng để nghỉ chân (đình trạm) rồi có những ngôi đã trở thành kiến trúc công cộng của làng xã, việc thờ Thành hoàng và kết hợp với sự ra đời của kiến trúc là nơi công bố chính lệnh của triều đình phong kiến được coi là tiền đề của ngôi đình làng về sau. Như vậy, cội nguồn của đình làng với hai chức năng chính: nơi sinh hoạt cộng đồng và là nơi ban bố chính lệnh của triều đình. Đình làng chính thức ra đời nhờ một sự thỏa hiệp giữa dân gian và chính thể Quân chủ⁴. Hay trong cuốn *Đình Việt Nam* do Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Cự chủ biên (1998), cho rằng, “có thể coi đình là một tòa thị chính, một nhà thờ và một nhà văn hóa công cộng của làng xã Việt Nam. Ngôi đình là biểu tượng cho cộng đồng làng xã Việt Nam, là yếu tố hữu hình của văn hóa làng Việt Nam”⁵. Tại Miền Nam có các công trình nghiên cứu của Toan Ánh với *Làng xóm Việt Nam*, *Tín ngưỡng Việt Nam*, *Hội hè đình đám*, *Phong tục Việt Nam*; Phan Khoang với *Việt sử xứ Đàng Trong*, Sơn Nam với *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*,...

Các nghiên cứu về đình làng ở Tp. HCM nay, Sài Gòn - Gia Định xưa có thể kể đến công trình: *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức. Đây là tác phẩm được viết trong thời gian Trịnh Hoài Đức giữ chức vụ Hiệp Trấn (1805-1812), Hiệp Tổng Trấn (1816-1819) và quyền Tổng Trấn (1819-1820) ở thành Gia Định. Theo tác giả, ở thời kỳ này mỗi thôn làng đã có một ngôi đình tương đối hoàn chỉnh, có tế lễ dâng hoàng, lúc này ở mỗi làng đều có dựng một ngôi đình. Trong

Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, Phan Huy Chú cho rằng, ngôi đình ở thôn làng Sài Gòn - Gia Định xưa, cũng như các ngôi đình khác ở Nam Bộ, vẫn nối tiếp truyền thống tín ngưỡng ở Trung Bộ, Bắc Bộ: thờ thần Thành hoàng làng và là công sở của bộ máy hành chính thôn xã. Chức năng công sở này của đình làng đã được nhắc đến với sự kiện vua Minh Mạng ban hành mười điều giáo hóa dân chúng vào năm 1834: “Dân các xã thôn thì đều đặt một hương án ở gian chính giữa đình làng để đặt bản huấn điều vua ban. Các trưởng mục, thân hào xã thôn ấy phải khăn áo chỉnh tề đến sân đình làm lễ năm lạy, rồi chỉ bảo nhân dân theo thứ tự ngồi yên mà nghe, giảng đọc khắp một lượt, xong rồi ra sân làm lễ năm lạy”⁶. Với cách tiếp cận này có thể thấy, ngôi đình làng ở Nam Bộ nói chung, Tp. HCM nói riêng, ngoài mô thức chung như các ngôi đình làng ở Bắc và Trung Bộ thì còn mang thêm chức năng mới thể hiện cho tín ngưỡng tâm linh của những con người đi khai thiên lập địa, đó là một trụ sở của các thần linh dân dã nơi thôn làng và là một nhà hát chung cho cả cộng đồng mỗi khi đình vào lệ cúng thường niên; Tiếp theo, Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường (1993) trong *Đình Nam Bộ - Tín ngưỡng và lễ nghi* đã mô tả đặc điểm của đình làng Nam Bộ từ việc người dân Nam Bộ khẩn hoang dựng đình và trở thành thiết chế văn hóa tín ngưỡng của làng, cho đến kiến trúc bài trí, nghi thức cúng tế của đình Nam Bộ. Các tác giả cho rằng, “Theo Minh điều hương ước (quy chế đồn điền do nhà Nguyễn ban hành năm 1852, áp chỉ được phép xây miếu còn thôn thì dựng đình)”⁷. Đây là tài liệu quan trọng để có thể so sánh vai trò của đình làng đối với đời sống văn hóa - xã hội của người dân trong không gian truyền thống với không gian đã bị đô thị hóa; Năm 1996, Luận án tiến sĩ lịch sử *Hội đình của người Việt ở Thành phố Hồ Chí Minh* của Quách Thu Nguyệt đã nghiên cứu khá chi tiết hệ thống về đình và lễ hội đình ở Tp. HCM, qua đó chỉ ra được cái chung và cái riêng giữa đình ở thành phố này cũng như đình ở Nam Bộ so với các ngôi đình khác trong cả nước, nêu lên được những gì cần được bảo tồn, gìn giữ, những gì đã biến đổi và mất đi trong kiến trúc, lễ hội đình ở Thành phố Hồ Chí Minh; Nghiên cứu của tác giả Lê Sơn (2013) trong *Đình Thông Tây Hội Gò Vấp - Thông qua đình Thông Tây Hội thử tìm hiểu hội đình tại Nam Bộ* cho rằng “đình có

chức năng thờ thần bảo hộ của làng và các vị thần khác, là nơi hội họp giải quyết các vấn đề nội bộ của làng; là nơi mà tất cả làng đều tham gia vào, và là nơi tổ chức hội làng theo mùa vụ nông nghiệp”⁸.

Qua một số nhận định trên, có thể thấy chức năng của ngôi đình trong văn hóa Việt không chỉ đơn giản là nơi thờ cúng Thành hoàng mà còn giữ vai trò cổ kết cộng đồng, tính thiêng và tính biểu tượng của một ngôi làng cụ thể. Với quan niệm có một thế giới khác tồn tại song song với thế giới con người, đình được coi là nơi ở của những vị thần linh. Những vị thần này được tin là có khả năng bảo hộ cho cuộc sống của con người. Vì thế, con người phải tỏ lòng biết ơn thần linh qua cách thực hành nghi lễ ở từng lễ hội cụ thể, ước nguyện “làm sao kéo được các vị thần linh từ trên thượng giới xuống cõi trần gian để sự thờ cúng được dễ dàng hơn để các vị đó gần gũi, dễ thông cảm với người trần thế hơn”⁹.

1. Biến đổi của đình ở Tp. Hồ Chí Minh

Khi bối cảnh chung của xã hội biến đổi thì các chức năng của các loại hình tín ngưỡng truyền thống cũng có những thay đổi nhất định để thích nghi. Ngôi đình làng cũng không đứng ngoài quy luật ấy. Những thay đổi dễ nhận thấy nhất được thể hiện qua các hoạt động tín ngưỡng trong những lễ hội tổ chức hàng năm ở đình.

Theo lịch lễ cổ truyền, đình của người Việt tuân thủ đầy đủ các bước: rước Thần về coi sóc, bảo hộ dân làng (30 tháng Chạp); lễ Khai hạ bắt đầu năm mới, báo cáo để bắt đầu một mùa vụ (mùng 7 tháng Giêng), Tam ngươn, Kỳ yên,... Tùy theo tình hình kinh tế của từng đình mà quy mô và thời gian tổ chức lễ hội có ít nhiều thay đổi nhưng phần lớn nghi lễ vẫn được thực hiện đầy đủ, bởi mọi người đều nghĩ rằng nếu nghi lễ bị thiếu sẽ bị Thần “quở phạt”.

Cũng bởi lý do buổi đầu định cư của lớp người Việt từ vùng Thuận Quảng đến Nam Bộ có quá nhiều gian nan, vất vả, ngoài việc lao động sản xuất cật lực, còn thường xuyên phải đối mặt với cướp bóc, thú dữ,... việc tìm kiếm cái ăn cũng rất khó khăn. Vì thế, để cân bằng cuộc sống, họ có lòng tin tuyệt đối vào đấng thiêng, coi đó là chỗ dựa tinh thần để có thể vững bước gây dựng cuộc sống mới.

Hiện nay, các đơn vị hành chính cũ là làng, xã, thôn đã được thay thế bằng đơn vị hành chính mới là phường, khu phố, tổ dân phố nên không gian văn hóa làng quê cũng thay đổi. Phần lớn cư dân ở Tp. HCM hiện nay là thị dân, đồng thời với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, những phương án quy hoạch lại dân cư, phát triển kinh tế hạ tầng đã tác động không nhỏ đến các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội thường niên của đình, một số đình làng bị thu nhỏ diện tích, thay đổi kiến trúc hoặc bị di dời hẳn đi nơi khác. “Quá trình đô thị hóa đã làm các di tích này vỡ vụn, mất mát, nhất là ở nội thành, các tính chất và đặc trưng văn hóa gắn với vùng đất; các lễ hội ở đình như lễ Kỳ yên, lễ cầu bông ngày càng trở nên xa lạ, lạc lõng trước cái tất bật của cuộc sống thị dân”¹⁰.

1.1. Về chức năng

Thành hoàng làng đều có ngày sinh, ngày hóa, ngày khánh hạ. Đây là những ngày lễ trọng. Đối với các tỉnh phía Bắc, dân chúng thường chọn một trong ba ngày đó, vào thời gian nông nhàn và mát mẻ để mở hội làng, thông thường là vào mùa xuân hoặc cuối thu sang đông (xuân thu nhị kỳ). Trong những ngày hội, mọi trò diễn dân gian được dịp thăng hoa, tạo nên niềm tin và hy vọng cho một cộng đồng làng xã và cũng nhằm nuôi dưỡng và phát triển nền văn hóa truyền thống của dân tộc. Đêm giao thừa, nhà nhà đều có người đến đình làng để thắp hương lễ Thành hoàng làng, hoặc đến chùa lễ Phật, khi về thường hái một cành lộc để lấy may cho cả năm. Các thành viên làng xã, từ nhỏ, đã được cha dẫn đến đình để học lễ nghi, những thuần phong mỹ tục, cấm kỵ những việc làm thất đức, hỗn xược.... Những việc làm như thế có tác dụng giáo dục rất lớn, nó quy định hành vi, tình cảm, nếp sống của cả cộng đồng. Tuy nhiên trong một xã hội kinh tế thị trường, với tốc độ công nghiệp hóa hiện đại hóa nhanh như khu vực Tp. HCM thì những hoạt động tín ngưỡng liên quan đến ngôi đình trong khu vực đô thị cũng có rất nhiều biến đổi để thích nghi với xã hội mới.

Hiện nay, những làng, thôn ở Tp. HCM đã biến thành đô thị. Các cơ quan hành chính nhà nước từ thời Pháp thuộc đã tách rời khỏi đình. “Đình chỉ còn lại chức năng tín ngưỡng với những ngày sóc vọng hàng tháng và rộ lên trong những ngày lễ Kỳ yên mà thôi”¹¹. Những

chức năng truyền thống của đình làng, như: là trung tâm đời sống tập thể của cộng đồng làng, là một tiêu chuẩn đình tại xã thôn, hay chức năng hành chính xã hội như đã nêu trên không còn nữa. Quá trình “đô thị hóa đã góp phần làm méo mó hình ảnh mẫu của ngôi đình. Đô thị hóa làm giảm diện tích đình, bê tông hóa kiến trúc và nhất là đẩy lùi vị trí quan trọng của ngôi đình trong cuộc sống tâm linh của con người nông dân đang chuyển hóa thành người đô thị”¹².

Đình ở Tp. HCM đương đại chỉ còn chức năng tín ngưỡng cộng đồng nhưng đã mờ nhạt hơn trước rất nhiều; chức năng hành chính hoặc ngôi nhà chung cũng không còn nữa, chỉ còn giữ lại chức năng di tích văn hóa. Những người tham gia vào lễ hội đa số là lớn tuổi (trên 60), đã từng sinh sống lâu năm ở địa phương. Một số gia đình còn nhà cửa ở đây, một số đã chuyển đi nơi khác. Lễ hội hàng năm ở đình là cơ hội để họ quay về, gặp gỡ bạn bè, xóm giềng cũ. Chức năng của đình đô thị đã có nhiều biến đổi để phù hợp với đời sống văn hóa của cư dân, cũng từ đó mà tồn tại và phát triển. Từ các chức năng truyền thống nay chỉ còn lại chức năng tín ngưỡng, chức năng bảo tồn những nghi lễ truyền thống văn hóa dân tộc, thêm vào nữa là chức năng hoạt động xã hội, tương trợ xã hội (địa điểm tập trung bỏ phiếu bầu cử, họp tổ dân phố, họp chi bộ dân phố,...).

1.2. Về đối tượng thờ tự

Khác với ngôi đình làng Bắc Bộ, chỉ thờ thần Thành hoàng, đình Nam Bộ có hệ thống thờ tự phong phú hơn. Là vùng đất có nhiều dân tộc cộng cư, vì thế “đình Nam Bộ có nhiều thần, từ Tiên hiền, Hậu hiền đến Ngọc Hoàng Thượng đế, đến Thiên Hậu, Thánh Mẫu đến anh hùng liệt sĩ,... đều được thờ cúng trong đình. Nói chung, đình Nam Bộ là trú sở của các thần linh đại diện cho mọi mặt tín ngưỡng trong đời sống xã thôn”¹³. Thành hoàng là người đại diện triều đình chăm sóc cho thôn xóm. Ngoài ra, đình còn là nơi thờ cúng trong cộng đồng làng xã.

Đình ở Tp. HCM hiện nay tuy vẫn giữ chức năng tín ngưỡng, văn hóa nhưng có xu hướng chuyển hóa thành một nơi thờ cúng tổng hợp. Có nơi hệ thống thờ tự của đình trộn lẫn với chùa, như đình Nghĩa Nhuận (quận 5) thờ Quan Vân Trường, đình Phong Phú (quận 8), đình

Nam Chơn (quận 1),...; Có nơi hòa với đền như đình Phạm Văn Chí (quận 6), đình Nguyễn Ảnh Thủ (huyện Hóc Môn); Có nơi lại hòa với miếu như đình Bình Đông (quận 8), đình Nghi Hòa (huyện Bình Chánh); Thần Ma Ha Cẩn được ghi trong sắc phong năm Tự Đức thứ 5 (có người cho là người Chăm) được thờ ở đình Phú Nhuận (quận Phú Nhuận),.... Ở Tp. HCM cùng với việc thờ Thành hoàng, đình còn thờ nhiều vị thần của nhiều dân tộc khác nhau, như: Tiền hiền, Hậu hiền, Thiên Hậu, Thánh Mẫu, Phật Bà Quan Âm, Ma Ha Cẩn, Thiên Y A Na, Quan Vân Trường, Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng liệt sĩ,....

Nói chung, đối tượng thờ cúng ở đình Tp. HCM rất đa dạng cả thần linh truyền thống và hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu và quan niệm tín ngưỡng của người Việt và các dân tộc anh em cùng sinh sống trong vùng đô thị.

1.3. Về lịch lễ, lễ vật

1.3.1. Lịch lễ

Trước đây các ngôi đình ở Sài Gòn - Gia Định thường tiến hành đầy đủ những lễ chính tính theo Âm lịch, như sau:

Tết Nguyên Đán (đêm 30 tháng Chạp, sáng mùng 1 Tết);

Lễ Khai hạ (mùng 7 tháng Giêng);

Lễ Thượng nguyên - Thượng ngươn (rằm tháng Giêng);

Lễ Hạ điền (đầu mùa mưa);

Lễ Kỳ yên (ba tháng đầu năm hoặc 3 tháng cuối năm, đặc biệt có một số đình cúng tháng 6, tháng 8);

Tiết Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5);

Trung Nguyên - Trung ngươn (rằm tháng 7);

Trung Thu (rằm tháng 8);

Trùng Cửu (mùng 9 tháng 9);

Trùng Thập (10 tháng 10);

Hạ Nguyên - Hạ ngươn (rằm tháng 10);

Lễ Cầu bông (tháng 8, 9, 10);

Thượng điền (cuối mùa mưa);

Lễ cúng Tiên sư (mùa xuân hay mùa thu);

Lễ đưa thần (25 tháng Chạp);

Lễ rước thần (30 tháng Chạp).

Ý nghĩa của một số ngày lễ chính

Tết Nguyên Đán: vào nửa đêm 30 tháng Chạp đến sáng mùng 1 tháng Giêng năm mới, các đình cũng tổ chức lễ cúng đón năm mới như ở gia đình.

Lễ Khai hạ: là lễ quan trọng đầu tiên để đón một năm mới, đây cũng là ngày hạ nêu của làng. Ngày xưa, các hương chức trong làng sau khi bày lễ vật cúng ở đàn Xã tắc sẽ bỏ những nhát cuốc đầu tiên tượng trưng cho việc động thổ của dân làng vào đầu năm mới.

Lễ tam nguyên (tam ngươn): Là ba ngày lễ nhằm vào ba ngày rằm lớn trong năm: rằm tháng Giêng (thượng ngươn); rằm tháng Bảy (trung ngươn) và rằm tháng Mười (hạ ngươn).

Thượng ngươn: là ngày vía Thiên Quan Đại Đế, tạ ơn vị thần này đã cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt sau mùa gặt trước Tết Nguyên đán.

Trung ngươn là ngày vía Địa Quan Đại Đế, là vị thần coi về đất. Lễ này cầu cúng cho đất lành, mùa vụ được bội thu, cây trái cho nhiều quả tốt. Tháng Bảy thuộc về Trục phá, chịu ảnh hưởng của lễ Vu Lan xá tội vong nhân và cúng cô hồn. Vì vậy, trong tháng này mọi người quan niệm là có thể phá được địa ngục nên gọi là vía Địa quan giải ách.

Hạ ngươn rằm tháng Mười là vía Thủy quan Đại Đế, là ngày cầu cho nước lành về cho ruộng đồng. Đây vốn là những nghi lễ nông nghiệp về sau được Phật giáo hóa thành những ngày sóc vọng.

Lễ Cầu bông: thường được tổ chức vào khoảng thời gian tháng 8, 9, 10 hàng năm. Có ý nghĩa cúng cầu cho quốc thái dân an, cúng Thần Nông với ý nghĩa cầu cho mưa thuận gió hòa, sĩ - nông - công - thương an cư lạc nghiệp, đời sống nhân dân ấm no, hạnh phúc. Lễ Cầu bông là lễ hội cầu mùa, cầu xin có một mùa vụ bội thu, gồm các nghi lễ như: lễ thỉnh sắc thần về Đình, lễ an vị.

Do quá trình phát triển công nghiệp mà những nghi lễ gắn với nghề nông (hạ điền, thượng điền, cầu bông) đã bị mất dần. Trong số 260 đình ở Tp. HCM chỉ còn 71 đình còn thực hiện lễ hạ điền, lễ cầu bông, hoặc chỉ còn một trong hai lễ đó. Lễ cầu bông được giữ lại nhiều hơn và thường diễn ra ở những đình gần ngoại thành (Bình Chánh, Nhà Bè, một số đình ở huyện Hóc Môn,...) - những nơi còn làm nông nghiệp. Còn lại đình ở nội thành chỉ thực hiện lễ chính là lễ Kỳ yên và một số ngày cúng phụ khác.

Hiện nay, dù là đình nội thành hay ngoại thành thì các ngày lễ cúng cũng được tiết giảm đi, đơn giản hơn. Đình ở ngoại thành thường ít đối tượng thờ cúng hơn ở nội thành và những khu vực đông người Hoa thì lịch lễ đơn giản hơn. Dù là đình nội hay ngoại thành thì cư dân quanh đình không còn làm nghề ruộng, rẫy nữa. Do vậy, các nghi thức lễ liên quan đến nghề nông, như: Hạ điền, Thượng điền với nghi thức cúng Thần Nông, cầu cho mùa vụ bội thu đến nay còn rất ít đình tổ chức.

Trong tất cả các lễ cúng được tổ chức ở đình thì lễ Kỳ yên là lễ cúng quan trọng và lớn nhất trong năm, là ngày lễ hội quy tụ đông đảo người tới tham dự với những lễ vật và nghi thức cúng bài bản, đầy đủ nhất. Vào ngày lễ này, nhân dân đến đình dâng hương, lễ vật tưởng nhớ đến thần Thành hoàng, các vị tiền nhân có công lập làng, lập đình, các anh hùng liệt sỹ bảo vệ đất nước là chủ yếu. Về nghi thức lễ tế từ thần Thành hoàng bốn cảnh đến Tiên hiền, Hậu hiền, hoặc tế những người có công với nước về cơ bản là giống nhau, như: đón rước các vị thần được tế; các ban tham gia tế lễ phải có thân tâm thành kính trong sạch để dâng hương, dâng ba tuần rượu và một tuần trà; đọc văn tế. Chủ lễ bao gồm Chánh tế, Bồi tế, Đông hiến, Tây hiến là những bậc cao niên, có uy tín và đạo đức để thay mặt cho nhân dân đứng ra hành lễ.

Do cư dân ở khu vực nội thành không còn làm nông nghiệp nên không còn khoảng thời gian nông nhàn trong năm, vì vậy mà lịch lễ cúng đình ở Tp. HCM cũng có nhiều thay đổi. Số lượng ngày tổ chức lễ hội giảm bớt, thời gian tiến hành nghi lễ thay đổi cho phù hợp với sinh hoạt của người dân. Trong khi đó, các ngôi đình ở ngoại thành vẫn còn giữ tương đối nhiều ngày lễ theo phong tục cổ xưa. Ví dụ, đình Tân Thới Nhì (huyện Hóc Môn), nơi có nhiều cư dân sinh sống

lâu đời quanh đình, thì các ngày lễ mang tính chất nông nghiệp còn được giữ tương đối đầy đủ:

Tết Nguyên đán.

Lễ Khai hạ (mùng 7 tháng Giêng Âm lịch). Lễ này được tổ chức vào giờ Dần (khoảng từ 3 giờ đến 5 giờ sáng).

Lễ Kỳ yên (13, 14, 15 tháng Hai Âm lịch).

Tiết Đoan Ngọ.

Hạ nguyên, Trung nguyên và Thượng nguyên.

Lễ đưa Thần (lễ đưa Ông), ngày 25 tháng 12 Âm lịch (có khi vào dịp này Ban Quý tế tổ chức lễ họp mặt cuối năm để tổng kết việc của đình trong năm qua). Lễ vật gồm hương đèn, hoa quả và rượu. Sau đó là lễ Niêm ấn.

Lễ rước Thần vào ngày 30 tháng 12 Âm lịch (rước Thần về ăn Tết với dân gian),....

“Ngoài lễ Kỳ yên là hội lễ lớn nhất, hàng tháng Ban Quản trị đình đều phải chú ý đến những ngày sóc, vọng, những ngày giỗ kỵ của những vị thần của tín ngưỡng dân gian cùng các đối tượng thần linh khác”, “do ảnh hưởng của Phật giáo nên những ngày Phật đản, những ngày rằm, quan trọng nhất là rằm tháng Bảy cũng được tổ chức nghi lễ cúng bái ở đình”¹⁴.

1.3.2. Lễ vật

Lễ vật cúng thần theo lệ cổ

Có 2 loại thức ăn chính được chế biến theo kiểu món mặn và món chay.

Món mặn:

Theo lệ cũ, món chính cúng thần vẫn là xôi và thịt.

Xôi: được nấu bằng loại nếp thật tốt, pha lẫn đậu xanh đã bóc vỏ và nước dừa. Thịt dùng để cúng là thịt heo mua ở chợ, không có kiêng kỵ như con heo để tế. Thịt được chế biến thành nhiều món trong các buổi lễ cúng thần, như:

Một đầu heo luộc.

Một đĩa thịt heo sống có đủ da, mỡ, nạc.

Một đĩa lòng heo luộc.

Một bát cháo lòng.

Món phụ:

Một đĩa bánh hỏi.

Một đĩa bún.

Một đĩa rau sống có đủ giá, sà lách, dưa chuột, chuối xanh.

Một bát nước mắm đường ớt.

Một đĩa hoa trái (tùy theo mùa).

Ba ly rượu, một ly nước trà¹⁵.

Các thức ăn này được nấu theo vị Miền Nam và đặt cúng trước bàn thờ Thần. Ở các bàn thờ khác thì không có đầu heo, các thức cúng cũng đơn giản hơn.

Món chay:

Theo truyền thống thì các đình cúng chay vào những dịp lễ Tam nguyên và lễ cầu an trước khi vào lễ Kỳ yên. Các lễ vật chay thường được chế biến từ các món rau củ, không chế biến từ sinh vật. Các bàn thờ đều có một mâm cúng chay, ngoại trừ bàn thờ Ông Hồ có một đĩa tam sên (một miếng thịt, 1 con tôm và 1 trứng luộc) vì theo quan niệm Ông Hồ phải ăn mặn, không ăn đồ chay.

Mỗi mâm đồ chay thường có những món sau:

Một đĩa chả giò làm bằng đậu phộng, đậu nành, rau.

Một đĩa đồ xào.

Một đĩa xà lách trộn.

Một đĩa gỏi.

Một bát kiểem.

Một đĩa đồ kho¹⁶.

Mỗi dịp cúng chay hay mặn, trên bàn thờ Hội Đồng ngoại và mâm cúng cô hồn còn có thêm đĩa muối gạo, giấy tiền vàng bạc và đồ mã; cúng xong hóa cho cô hồn theo tục lệ xưa.

Một số lễ vật đặc biệt

Ở một số đình, trong lễ đưa “khách” (tổng khứ cô hồn) còn có thêm những món sau: Cá lóc nướng trui, rau luộc, muối gạo, cua bể luộc, hột vịt luộc,...

Sở dĩ cúng các món trên là vì quan niệm “đám cô hồn, ôn dịch sống lang thang ngoài đường sá, ăn bờ, ngủ bụi nên quen xơi các món đại thể đạm bạc như vậy”¹⁷. Các món thường thả trôi sông hay bỏ mặc cho trẻ mục đồng lấy ăn.

Trong các lễ Thịnh Sắc, Hối Sắc, rước tổ hát bội bao giờ cũng cúng một cặp vịt quay. Trong lễ cúng các nữ thần chỉ được phép cúng vịt chứ không được phép cúng gà.

Trên bàn thờ Bạch Mã Thái Giám, trong những ngày lễ Kỳ yên, ngoài những lễ vật thông thường còn phải có thêm những lễ vật khác, như: thóc, lá tre, cò, đậu xanh, nước lã. Còn những lễ vật trên bàn thờ Ông Hồ trong ngày lễ Kỳ yên là miếng thịt sống. Đây là những thứ lễ vật mà các vị này, quan niệm dân gian, là thường dùng và đặc ý¹⁸.

Trong buổi tiệc đãi khách nhất thiết phải có món bánh quy thể hiện tình đoàn kết, anh em dù có đi làm ăn xa xứ ở nơi nào thì đến ngày lễ Kỳ yên của đình cũng phải “quy” tụ về với làng xã. Món thứ hai là món cháo lòng được làm từ phần lòng lấy từ con heo tể Thành hoàng, có ý nghĩa thể hiện tấm lòng của người dân đối với vị thần bảo hộ cho làng mình, cháo lòng có thể ăn kèm với gỏi. Bánh tráng cũng là món lễ vật không thể thiếu, đây là món ăn đặc sản của người Miền Trung đưa vào. Theo truyền thống, bánh tráng là món ăn tinh khiết được lựa chọn để dâng lên Thần, vì đó là loại bánh qua hai lần nắng và một lần lửa, bánh được tráng ra phơi nắng, sau đó muốn ăn thì nướng qua lần lửa nữa. Thịt còn lại của con heo thì được thái ra ướp, xía vào cây rồi nướng lên ăn với bánh hỏi. Món truyền thống nữa là cà ri, nấu với vịt chứ không phải nấu với gà vì vịt mới đúng với cuộc sống vùng sông nước. Ngoài ra còn có thêm bánh tét, bánh ít, bánh thưng (có nơi gọi là bánh thuẫn, là một loại bánh nướng được làm từ bột củ bình tinh, củ dong), các loại bánh này tùy vào điều kiện của từng làng mà có hoặc không nhưng riêng bánh quy là nhất định phải có.

Lễ vật tể Thần do người dân mang đến

Chỉ trong ngày lễ Kỳ yên mới có lễ vật “Tể Thần”. Lễ vật này có hai món chính là xôi và thịt nhưng đòi hỏi nghi thức hơn lễ vật cúng.

Xôi: là món lễ vật nhất định phải có trong lễ hội truyền thống ở đình. Mỗi gia đình trong làng đều làm một mâm xôi đến để dâng lên

Thần. Hương chức và những người chức sắc trong làng thì phải tế hai mâm xôi cho hai lễ Đoàn cả và Túc yết.

Xôi để tế khác với xôi cúng là không có đậu xanh, được nấu bằng nếp rất, không pha trộn. Khi mang xôi đến đình phải mượn hai người nam thanh niên đến khiêng bằng một đòn gánh. Mâm xôi được đặt bằng lá chuối non, có tám tiền bằng giấy đỏ trùm lên trên. Xôi “Bụng không được bung ngang hông, dưới nách vì như vậy xôi bị ô uế, thất lễ với thần. Gánh xôi không phải là đặt hai mâm xôi vào hai đầu thúng mà gánh đi”¹⁹ mà phải có người đội, bung mâm xôi đến đình. Đây gọi là lễ Tụ xôi hay Thịnh xôi, Rước xôi một cách long trọng và cung kính.

Khi xôi được mang tới đình có một Ban hương chức tiếp nhận, dán tên lên trên mâm xôi và bố trí mâm xôi theo một vị trí đã được định sẵn. Những vị trí đặt xôi này trên ván tế cũng thể hiện theo tôn ti các chức việc trong làng. Chức vụ cao bao nhiêu thì mâm xôi được để gần bàn thờ bấy nhiêu. Cách xếp đặt cỗ xôi biểu lộ rõ tinh thần giai cấp xã hội, cách biểu lộ này ở các đình Bắc Bộ là vị trí ngồi của các quan viên, Hội đồng kỳ mục, trong Nam là vị trí các cỗ xôi vì khi tế tự ở Miền Nam không có chỗ để các hương chức ngồi.

Ngoài các phần xôi của từng gia đình thì còn có xôi của làng. Xôi làng có hai cỗ, một cỗ gọi là cỗ hương thôn, tức là cỗ xôi đại diện cho các ấp, cỗ còn lại gọi là cỗ làng tức là phần xôi của làng để tế thần. Phần xôi của làng được chia làm một cỗ nhỏ nữa để cúng ở bàn thờ Thần Nông ngoài sân đình.

Sau khi cúng tế xong, phần xôi của nhà nào thì nhà ấy mang về. Nhưng hầu hết mọi gia đình đều để lại một phần để đóng góp với làng đãi khách. Họ tin tưởng đây là lộc thần, ai ăn sẽ được may mắn, được thần phù hộ cho.

Thịt: Thịt tế thần phải dùng Tam Sinh, theo cổ lệ Tam Sinh là ba con vật dùng trong hiến tế là:

Dê, trong văn tế gọi là *nhu mao*.

Bò, trong văn tế gọi là *hoàng mao*.

Heo, trong văn tế gọi là *cang lap*.

Heo dùng tại đình có ba loại: heo tể, heo gỏi và heo com.

Heo tể thường là con heo màu đen tuyền. Trước khi tế thần, heo được làm lễ Thỉnh sanh.

Heo gỏi là con heo quay của dân chúng mua để cúng hay tế thần. Khi có người đến đình để cầu xin thần việc gì, khi đã đạt được nguyện vọng họ thường tạ ơn thần bằng lễ vật, quan trọng nhất là con heo gỏi. Vì vậy mà trong dân gian Nam Bộ vẫn hay có câu khấn trước khi xin việc gì đó quan trọng “Cầu Trời, Phật phù hộ cho con được việc này, xong việc con cúng một con heo quay” hoặc “cúng cái đầu heo”.

Heo com là con heo đen để tế Tiền hiền, Hậu hiền. Con heo này cũng được làm lễ Thỉnh sanh nên chỉ có trong lễ Kỳ yên. Heo này khi tế xong dùng để đãi khách, những người làm công quả, các nghệ sĩ hát bội trong các bữa ăn tại đình, vì vậy được gọi là heo com²⁰.

Trước đây, thịt heo tể được xẻ ra để kính biếu các chức sắc trong làng. Ngày nay, heo tể được đem ra chế biến thành các món ăn để thết đãi khách đến dự lễ.

Các vật phẩm khác:

Lễ tế thần dâng ba tuần rượu, một tuần trà, tức là có chín ly rượu và ba ly trà. Rượu cúng lễ thường là rượu trắng. Những người đến dự lễ thường mang theo trà, rượu, bánh (thường là bánh quy) và trái cây. Tất cả được đặt trên ván tế trước bàn thờ thần.

Hiện nay, tại các ngôi đình trong thành phố, lễ vật cúng đã có nhiều thay đổi, có đình vẫn còn giữ được một số nghi thức như Thỉnh sanh, Ễ mao huyết,... có đình không. Tương tự, lễ vật cúng hoặc tế thần cũng đơn giản hơn.

Lễ vật cúng thần trong đình đô thị đương đại

Theo khảo sát, chúng tôi nhận thấy, trong quá trình chuyển đổi theo nền kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các hình thức kinh tế chuyển dần từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ nên lễ vật cúng đình cũng có biến đổi theo.

Vào thời Pháp thuộc, do du nhập văn hóa Phương Tây mà trong thức ăn cúng kiếng ở đình còn pha trộn nhiều nguyên liệu mới để chế biến,

như: khoai tây, cà rốt, các loại hạt, cà chua,... để nấu món Ragu, cơm chiên dương châu,... thịt gà được dùng để chế biến trong món cà ri,... Các loại bánh còn có thêm bánh kem, bánh bông lan, bánh bao,...

Tại đình nội thành do có thành phần cư dân đa dạng, những người sống nhiều đời quanh đình còn rất ít, vì thế mà không còn thấy hình ảnh những người dân đến làm “công quả” trong các ngày hội đình. Những việc như nấu món để cúng thần hoặc thức ăn để dùng tiệc đãi khách trong ngày hội hầu hết là thuê mướn các nhóm nấu đến làm dịch vụ. Thức ăn được chế biến rất đa dạng, các món tương đồng như những đám tiệc khác, tiêu chí là hợp khẩu vị và vừa với kinh phí dự tính ban đầu.

Thành phần tham dự

Hiện nay hội đình vẫn là ngày hội lớn trong các khu dân cư tại Thành phố. Tuy thành phần tham dự không bao gồm tất cả cộng đồng như ngày trước nhưng đa số những người quan tâm đều đến dự, nhiều nhất vẫn là những người lớn tuổi, đây là những người mà ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc luôn thôi thúc. Ngày lễ hội là dịp để mọi người gặp gỡ, trao đổi với nhau, thể hiện tinh thần đoàn kết trong cộng đồng.

2. Một số biến đổi về thờ cúng ở Đình Nam Chơn, phường Tân Định, quận 1

Đình Nam Chơn tọa lạc tại số 29 đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Như đặc điểm chung của các phường, quận khu vực nội thành, nhà cửa xung quanh đình Nam Chơn phần lớn là những cửa hàng được người dân từ nơi khác đến thuê để kinh doanh, buôn bán. Đây là khu phố nổi tiếng về dịch vụ dán keo xe máy, thay tem, đèn, kèn, logo màu, gắn thêm các dụng cụ tăng dung tích xe, khóa chống trộm các loại. Bên cạnh đó còn có các cửa hàng bán, sửa chữa điện thoại di động; Các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, nhiều ngành nghề; Trụ sở cơ quan nhà nước, như: chi cục thuế, ngân hàng,...

Là một ngôi đình tọa lạc giữa trung tâm Thành phố, đình Nam Chơn cũng chính là ngôi đình chịu sự ảnh hưởng nhiều nhất từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Tp. HCM. Đình Nam Chơn

được coi là một trong những ngôi đình cổ xưa nhất Tp. HCM, thờ 5 vị thần, khá khác biệt so với các ngôi đình khác. Về phương diện kiến trúc, một số ngôi đình ở Tp. HCM đã sụp đổ vì nhiều lý do, một số đã được sửa sang về quy mô, hình thức làm mất đi vẻ nguyên thủy của nó. Riêng đình Nam Chơn là ngôi đình vẫn còn giữ được 5 sắc phong theo chân lưu dân Chơn Sáng, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam vào Sài Gòn cuối thế kỷ 19. Đây là một trong số ít những ngôi đình còn giữ được nguyên sắc phong trong thời cuộc chiến tranh loạn lạc.

Ngày 27/10/2006, Ủy ban nhân dân Tp. HCM ban hành Quyết định số 4841/QĐ-UBND xếp hạng đình Nam Chơn là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp thành phố.

2.1. Đối tượng thờ cúng

Đối tượng được thờ cúng ở đình Nam Chơn có số lượng thần được thờ nhiều nhất trong hệ thống đình ở Tp. HCM (5 vị), có cả nhân thần và nhiên thần do quá trình di cư của người dân Thuận Quảng vào Nam Bộ và trong quá trình cộng cư với người Hoa, Chăm, Khmer. Trong đó có Bắc quân Đô đốc Bùi Tá Hán của dân tộc Kinh²¹ được các vua Cảnh Thịnh (nhà Tây Sơn), Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định (nhà Nguyễn) phong “Thượng đẳng thần”. Các bản sắc phong này được lưu giữ tại đền thờ ông ở xã Quảng Phú, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; Thiên Y A Na Ngọc Diện Phi (còn gọi là Bà Chúa Ngọc) của dân tộc Chăm ở vùng Trung Bộ (từ Huế đến Nha Trang ở đâu cũng có điện thờ Bà Chúa Ngọc) được xem là vị thần bảo hộ cho ngư dân đi biển, được các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức ban sắc phong là *Hồng Nhân Phổ Tế Linh Ứng Thượng Đẳng Thần*; Quan Thánh Đế Quân của người Hoa; Cao Các Quảng Độ Đại Vương là vị thần cai quản núi non, được các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức sắc phong “Thượng đẳng thần”; Dương Phi Phu Nhân, tức Bà Giàng hay Bà Vàng, là vị thần cai quản đất đai được các vua Minh Mạng, Tự Đức sắc phong “Trung đẳng thần”. Ngoài ra, còn có bàn thờ Quan Thế Âm Bồ Tát, Ông Hổ, Tiền Hiền, Hậu Hiền,....

2.2. Nghi lễ

Do cư dân quanh đình không còn làm nông nghiệp, tỷ lệ đô thị hóa là 100%. Vì vậy, các hoạt động tín ngưỡng ở đình Nam Chơn hiện nay

thay đổi rất nhiều. Lễ hội đình trong năm chỉ còn lễ Kỳ yên là được tổ chức long trọng vào ngày 15-16 tháng 6 Âm lịch, các lễ còn lại đều cúng đơn giản. Vào ngày Kỳ yên, ở đình không còn làm lễ Thỉnh sanh vào lúc 12 giờ đêm (trước ngày lễ chính), thời gian bắt đầu tiến hành lễ hội vào lúc 8 giờ sáng ngày 15 tháng 6 Âm lịch để thuận tiện cho người dân và đại diện chính quyền địa phương đến tham dự. Thời gian tổ chức lễ hội cũng rút gọn từ ba ngày như trước kia còn lại hai buổi sáng, các lễ cúng truyền thống được giản lược đi nhiều. Khu vực đô thị đã xóa hẳn nền sản xuất nông nghiệp, chuyển sang dịch vụ và thương mại thì những lịch lễ của đình trong năm cũng được thay đổi để phù hợp với cuộc sống công nghiệp hiện đại.

Đình Nam Chơn hiện tại còn giữ lại một số lễ cúng chính theo Âm lịch hàng năm:

Ngày 13 tháng 1: ngày vía Quan Đế.

Mùng 2 tháng 3: ngày vía Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi.

Ngày 15, 16 tháng 6: lễ Kỳ yên.

Mùng 1 và 15 hàng tháng: đọc kinh cầu an cho bá tánh trước bàn thờ Phật Bà.

Ngày 25 hàng tháng: cúng Ông Hồ.

Ngày 6 tháng 12: ngày vía Vương Phi phu nhân.

Ngày 30 tháng 12: cúng Tết Nguyên đán.

Còn lại các lễ khác như: Khai hạ, tam ngươn, hạ điền, đoan ngo, trùng cửu,... không còn tổ chức cúng nữa.

Ở đình Nam Chơn vào ngày lễ Kỳ yên, các bàn thờ ở trong đình đều bày mâm cúng như nhau, không làm lễ Thỉnh sanh (12 giờ đêm trước ngày lễ chính), vì thế cũng không có lễ vật tế thần mà chỉ còn lễ vật cúng thần. Trước đây, khi đất nông nghiệp còn nhiều, mỗi nhà đều có đất vườn trồng nhiều rau, củ, quả. Lúa gạo cũng trồng được trên ruộng của gia đình, nên đến mỗi lễ hội là dịp để mọi người cùng tham gia việc chung của làng, trong đó có cả việc tập trung nấu thức ăn để dâng cúng lên thần. Ngày nay bà con chủ yếu là đi làm công, viên

chức hoặc buôn bán, người lớn tuổi cũng bận bịu chăm cháu, đất đai không còn rộng rãi như trước nên mọi thứ đều phải ra chợ mua nên việc chuẩn bị lễ vật cúng đình cũng không được chuẩn bị như trước²².

Lễ vật dâng cúng trên các ban thờ hiện nay có nhiều thay đổi so với mâm lễ trước đây. Công việc chuẩn bị thức ăn để dâng cúng trong ngày lễ được giao hẳn cho nhóm thợ nấu thuê chuẩn bị từ khâu nguyên liệu đến chế biến. Các món được dâng cúng lên các ban thờ ở đình Nam Chơn gồm có:

Xôi đậu phộng, bánh bao

Cơm chiên dương châu

Món kho: măng, tàu hũ ky, đậu hũ (đậu khuôn), cà rốt, củ cải trắng

Đồ xào chay: đậu ô ve, tàu hũ ky

Canh: nấm, cà chua, đậu hũ non

Trầu cau, trà, rượu, trái cây các loại.

Chính điện, ngay bàn thờ thần Thành hoàng:

Mâm xôi, 1 con gà

1 con heo quay

1 mâm bánh bao

1 gói tôm thịt

1 thịt kho tàu

Trà, rượu

Bánh ngọt

Bông, trái cây, cau trầu

Gạo, muối

Giấy tiền vàng mã.

Hiện nay những lễ vật dâng cúng vẫn còn giữ lại tương đối như cũ nhưng phần nội dung chuẩn bị đã thay đổi. Vật phẩm dâng cúng tại đình Nam Chơn không tiến hành lễ Thịnh sanh, vì thế mà cũng không có vật tế (heo, bò). Theo tục lệ thì vẫn có xôi, thịt và bánh trái, hoa, nến. Không còn lễ thỉnh xôi vì xôi được nấu ngay tại đình chứ không phải do

từng hộ gia đình tự tay chuẩn bị đem đến đình như trước đây. Thức ăn cúng cũng được thuê các nhóm nấu dịch vụ đến nấu tại sân đình, trước là nấu đồ cúng tế, sau là để đãi khách. Các món dâng cúng cũng không còn giữ như cũ, chủ yếu là “trước cúng, sau ăn” nên yếu tố thuận tiện được đặt lên trên hết. Nhiều thì mâm lễ vật, hương, đăng, trà, quả cùng một ít “hiện kim” đóng góp cho đình, ít thì chỉ vài ba gói bánh kẹo, thấp hương lên bàn thờ Thành hoàng để bày tỏ lòng cung kính. “Mọi lễ vật cúng tế chủ yếu ghi nhận lòng thành của con người dâng lên Thần, thời buổi giờ đâu còn ai có thời gian để đun xôi, làm bánh dâng cúng như trước đây, cứ ra chợ mua cho tiện, không bắt buộc” (bà N.T.S (65 tuổi, Q.1) đến viếng đình vào ngày lễ Kỳ yên).

Không có “tam niên đảo lệ” đại lễ Kỳ yên tổ chức hát bội như trước mà sau khi kết thúc các nghi thức cúng lễ là hội múa lân vì liên quan đến kinh phí và chủ yếu người tham dự ở đây là những môn sinh của Nam Huỳnh Đạo.

Tùy theo khả năng kinh tế của từng năm và sự dâng cúng của người dân mà lễ vật dâng cúng ở đình có sự khác nhau. Những vật phẩm tượng trưng cho nền nông nghiệp trước đây đã được thay thế bằng những vật phẩm công nghiệp, thành thị hiện đại để phù hợp với khẩu vị cũng như thời gian chuẩn bị của cư dân đô thị.

Những người đến dự trong lễ Kỳ yên ở đình Nam Chơn hầu hết là người trong Ban Quản trị của các đình bạn, những người là họ hàng, con cháu nhiều đời của cụ ông Nguyễn Văn Hiệp - người đã xây dựng nên ngôi đình này - và một số là cư dân cũ đã từng sinh sống ở đây nhiều năm về trước. Một điều rất dễ nhận thấy là số lượng những người cư dân hiện tại đang sinh sống quanh đình đến dự lễ ít hơn rất nhiều so với những người đã từng ở đây, nay đã đi sinh sống nơi khác.

Vào ngày tiên thường (đêm trước ngày chính giỗ), khách thập phương đến cúng bái trong đình ít hơn ngày chính lễ. Nhóm “chủ nhà” đón khách đều là môn sinh của môn phái võ Nam Huỳnh Đạo (do Võ sư Huỳnh Tuấn Kiệt là trưởng môn phái) và các đình bạn, cũng không có người dân nào trong vùng cùng tham gia tiếp đón, tổ chức.

Một điều đặc biệt trong các lễ hội ở đình nội thành là có những nhóm người sinh hoạt trong Ban Quản trị của một đình hoặc nhiều đình sinh hoạt cùng nhau, đến ngày lễ của các đình khác thì họ cùng đến tham gia giúp đỡ. Đình Nam Chơn có nhóm ở Lăng Ông Bà Chiêu sang giúp.

Một số người nước ngoài cũng đến tham dự (Cộng hòa Belarus, Liên Bang Nga,...). Họ là những môn sinh của võ phái Nam Huỳnh Đạo ở nước ngoài. Trong thời gian Tp. HCM tổ chức giải Vô địch thể giới võ cổ truyền Việt Nam lần thứ Nhất (từ 26/7 đến 30/7/2016), các môn sinh đến Việt Nam thi đấu và ở lại dự lễ Kỳ yên ở đình. Họ cũng nhiệt tình tham gia vào việc chung trong ngày lễ, tuy không thành thạo tiếng Việt nhưng họ cảm thấy vô cùng hào hứng với văn hóa Việt Nam.

Khi khách bắt đầu đến dự lễ, nam nữ thanh niên trong ban nghi lễ đứng ra đón tiếp, mời nước và nhận lễ vật. Phía bên phải sân đình là một bàn dài được dùng để ghi tên những người đóng góp cho đình trong ngày Kỳ yên. Ở đình Nam Chơn, vị trí này do các cô trong Ban Quý tế của Lăng Ông Bà Chiêu, của đình Phú Nhuận sang trợ giúp. Nhóm này chừng 4, 5 người phụ nữ trung niên, mặc trang phục áo dài truyền thống, đến từ sáng sớm, vào bàn chuẩn bị giấy bút để viết tên khách và số tiền mà họ ủng hộ vào Thư cảm ơn những người đóng góp. Số tiền này được ghi lại đầy đủ, sau lễ sẽ công khai trong ban Quý tế, một phần tiền sẽ gửi vào ngân hàng, phần còn lại để chi tiêu các khoản của đình trong năm sau.

Kết luận

Trong bối cảnh xã hội hiện đại hiện nay, đình làng với tư cách là một thiết chế văn hóa vẫn duy trì những chức năng quan trọng vốn có của nó. Chức năng tín ngưỡng của nghi lễ cúng đình vẫn bảo tồn bên cạnh những biến đổi cho phù hợp với tính chất của xã hội đô thị. Chức năng xã hội của đình được mở rộng hơn trước.

Đối tượng được thờ cúng cũng thay đổi do quá trình giao thoa văn hóa trong cuộc sống cộng cư với nhiều tộc người khác. Đình làng không chỉ thờ riêng Thành hoàng mà còn thờ nhiều vị phúc thần của

các dân tộc khác và cả anh hùng liệt sĩ. Có đình thờ nhân thần, có đình thờ nhiên thần, nhưng cũng có đình thờ cả nhân thần và nhiên thần.

Trong bối cảnh đô thị hóa với tốc độ nhanh như ở Tp. HCM thì vấn đề đặt ra cho các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, về tôn giáo, tín ngưỡng là cần có sự quan tâm, lưu ý bảo tồn những hình thức tín ngưỡng dân gian vốn là nơi lưu giữ tinh hoa văn hóa dân tộc, không làm mai một thêm những giá trị đã từng có của ngôi đình làng trong lịch sử nhằm góp phần cụ thể hóa một quan điểm trong Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII đã đề ra là “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Paul Giran (1912), *Magie et religion Annamites (Ma thuật và tín ngưỡng của người An nam)*, Paris, Challengel: 334.
- 2 Đỗ Văn Rỡ (1997), “Cội nguồn và truyền thống dân tộc Việt Nam” trong *Nghi thức tế lễ*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh: 75.
- 3 Kim Định (1971), *Triết lý cái đình*, Nxb. Nguồn sáng, Sài Gòn: 31.
- 4 Trần Lâm Biền (1983), “Quanh ngôi đình làng - lịch sử”, *Nghiên cứu nghệ thuật*, số 4: 38-43.
- 5 Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Cự (cb) (1998), *Đình Việt Nam*, Nxb. Tp. HCM: 15.
- 6 Phan Huy Chú (1992), *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, do tổ phiên dịch Viện Sử học dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 132.
- 7 Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường (1993), *Đình Nam Bộ - Tín ngưỡng và lễ nghi*, Nxb. Tp. HCM: 45-46.
- 8 Lê Sơn (2013), *Đình Thông Tây Hội Gò Vấp. Thông qua đình Thông Tây Hội thử tìm hiểu hội đình tại Nam Bộ*, Nxb. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội: 102.
- 9 Hoàng Lương (2002), *Lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam khu vực phía Bắc*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội: 90.
- 10 Trần Ngọc Khánh (2016), “Đề cao giá trị tinh thần trong bảo tồn di sản các di tích lịch sử văn hóa ở Việt Nam”, trong *Những vấn đề Khoa học Xã hội và Nhân văn*, chuyên đề Văn hóa học. Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội: 153.
- 11 Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Cự (cb) (1998), *Đình Việt Nam*, Nxb. Tp. HCM: 15.
- 12 Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Tp. HCM (1999), *Văn hóa làng xã trước sự thách thức của đô thị hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Tp. HCM: 206.
- 13 Quách Thu Nguyệt (1996), *Hội đình của người Việt ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Lịch sử, Viện KHXH tại Tp. HCM: 26.
- 14 Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Cự (cb) (1998), *Đình Việt Nam*, Nxb. Tp. HCM: 15.
- 15 Nguyễn Long Thao (1974), *Một ngôi đình làng miền Nam - Phú Nhuận đình*, luận văn cao học, Đại học Văn khoa, Sài Gòn: 122.
- 16 Nguyễn Long Thao (1974), *Một ngôi đình làng miền Nam - Phú Nhuận đình*, tldd: 123.

- 17 Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (1997), *Đình Nam Bộ xưa và Nay*, Nxb. Đồng Nai: 261.
- 18 Quách Thu Nguyệt (1996), *Hội đình của người Việt ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Lịch sử, Viện KHXH tại Tp. HCM: 88.
- 19 Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (1997), *Đình Nam Bộ xưa và Nay*, Nxb. Đồng Nai: 170.
- 20 Quách Thu Nguyệt (1996), *Hội đình của người Việt ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Lịch sử, Viện KHXH tại Tp. HCM: 92.
- 21 Đô đốc Bắc quân Bùi Tá Hán (1496-1568) là người Châu Hoan (Nghệ An), có học vấn uyên thâm. Ông giúp vua Lê lấy lại ngôi vua từ Mạc Đăng Dung. Ông là Trần thủ dinh Quảng Nam và được phong tước Trấn Quận Công. Bùi Tá Hán là người trí dũng song toàn. Ông có công lớn trong việc đưa người từ Bắc Hà vào Thuận Quảng khai cơ lập nghiệp.
- 22 Lê Thị Hồng Nhung (2016), *Tư liệu điền dã*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Lâm Biền (1983), “Quanh ngôi đình làng - lịch sử”, *Nghiên cứu Nghệ thuật*, số 4.
2. Phan Huy Chú (1992), *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Kim Định (1971), *Triết lý cái đình*, Nxb. Nguồn sáng, Sài Gòn.
4. Nguyễn Hồng Kiên (1993), *Đình làng Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
5. Hoàng Lương (2002), *Lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam khu vực phía Bắc*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. Sơn Nam (1992), *Đình miếu và lễ hội dân gian*, Nxb. Tp. HCM.
7. Sơn Nam (1973), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb. Đông Phố, Sài Gòn.
8. Quách Thu Nguyệt (1996), *Hội đình của người Việt ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Lịch sử, Viện KHXH tại Tp. HCM.
9. *Những vấn đề khoa học Xã hội và Nhân văn*, chuyên đề Văn hóa học, Nxb. Đại học Quốc gia, 2016.
10. Paul Giran (1912), *Magie et religion Annamites (Ma thuật và tín ngưỡng của người An nam)*, Paris, Challemeil.
11. Đỗ Văn Rỡ (1997), “Cội nguồn và truyền thống dân tộc Việt Nam” trong *Nghi thức tế lễ*, Nxb. Tp. HCM.
12. Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Tp. HCM (1999), *Văn hóa làng xã trước sự thách thức của đô thị hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Tp. HCM.
13. Lê Sơn (dịch) (1996), *Phong tục Nam Bộ xưa. Tục thờ cúng thần Thành hoàng tại làng thôn Bắc Bộ*, Nxb. Trẻ, Tp. HCM.
14. Lê Sơn (2013), *Đình Thông Tây Hội Gò Vấp. Thông qua đình Thông Tây Hội thử tìm hiểu đặc điểm hội đình tại Nam Bộ*, Nxb. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
15. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Cự (cb) (1998), *Đình Việt Nam*, Nxb. Tp. HCM.
16. Nguyễn Long Thao (1974), *Nghiên cứu một ngôi đình làng miền Nam - Phú Nhuận đình*, Tiểu luận cao học Văn minh Việt Nam, Đại học Văn khoa Sài Gòn.
17. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường (1993), *Đình Nam Bộ - Tín ngưỡng và nghi lễ*. Nxb. Tp. HCM.

18. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (1997), *Đình Nam Bộ xưa và Nay*, Nxb. Đồng Nai.
19. Hồ Tường (cb), Nguyễn Hữu Thề (2004), *Đình ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Tp. HCM.

Abstract

CHANGES IN WORSHIP OF THE COMMUNAL TEMPLES IN HỒ CHÍ MINH CITY AT PRESENT (A case study Nam Chơn communal temple, District 1)

In the Vietnamese traditional social and cultural institution, the communal temple is one of the most important place of worship. It has been considered as the soul of the Vietnamese village. Religious activities of the communal temple through the festivals organized on a large or small scale depend on the agricultural seasons. Its rituals are important in the spiritual life of people in the region. Along with more than 300 year history of formation and development, the Vietnamese migrants (in Ho Chi Minh City) gradually reclaimed, set up villages and brought their homeland customs with them when they arrived new land. Over the time, the communal temples in Ho Chi Minh City have had many changes, even their functions and objects of worship are different the communal temples in the North and Centre. These changes have made characteristics of the communal temples' festival in Ho Chi Minh City with the harmony to be considered as typical character of the inhabitants in the South (Nam Bộ). They have also shown the trend of modernization in the traditional festival of the nation. The author focuses on changes in worship of the communal temples in Ho Chi Minh City in general, the case study of the Nam Chơn communal temple in particular in order to explore the activities of worship the Chenghuangshen (City God) in a contemporary urban communal temple. The comparative axis is divided into two periods: the traditional communal temple in Sài Gòn - Gia Định (from its establishment to 1975) and the contemporary urban communal temple (since 1975).

Keywords: Change, communal temple, Nam Chơn communal temple, Ho Chi Minh City.